

MẪU SỐ 6B

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 200 /QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026 của Giám đốc
Chi nhánh)



(Signatures and stamps of officials)

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM

Số hiệu gói thầu và số E-TBMQT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

(Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu là nguồn vốn sản xuất kinh doanh và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này được thực hiện theo Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí (viết tắt là QĐMS) và đăng tải tại địa chỉ <https://muasam.pvpgb.vn>)



(Handwritten signatures and stamps)

MỤC LỤC**Mô tả tóm tắt****Từ ngữ viết tắt****Phần 1. Thủ tục đấu thầu**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSQT

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Phần 2. Điều khoản tham chiếu

Chương V. Tóm tắt điều khoản tham chiếu



[Handwritten signatures and initials in blue ink]

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMQT	Thông báo mời quan tâm
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
HSDQT	Hồ sơ dự quan tâm
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	đồng Việt Nam
QĐMS	Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số ____/QĐ-CNPĐ ngày ____ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
Web chính thức của Chi nhánh	https://muasam.pvpgb.vn



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSQT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSQT, mở thầu, đánh giá HSQT. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn mời quan tâm qua mạng.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSQT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSQT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSQT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá HSQT;

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia yêu cầu sẽ ứng với các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Chương này bao gồm các biểu mẫu quan tâm mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSQT.

Chủ đầu tư, tổ chuyên gia, nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để hoàn thiện HSQT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu

Tóm tắt Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

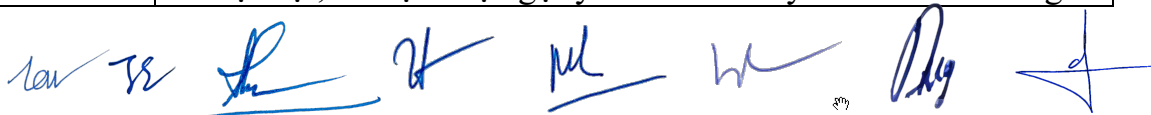
Phần thứ 3. HỢP ĐỒNG KHUNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng khung (không có đơn giá)



Phần 1**THỦ TỤC ĐẤU THẦU****Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMQT này để lựa chọn nhà thầu vào danh sách ngắn. 1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSQT và được quy định trong E-TBMQT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSQT hoặc rút HSQT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMQT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSQT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSQT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn





	chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, tổ chuyên gia, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư, tổ chuyên gia hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, tổ chuyên gia không đúng quy định của QĐMS; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMQT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá HSQT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư, tổ chuyên gia trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định HSMQT; đánh giá HSQT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh; g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;
--	---



	i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87, khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS, bao gồm: a) Nội dung HSMQT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSQT; nội dung yêu cầu làm rõ HSQT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSQT; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSQT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với nhà thầu trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; b) Hạch toán tài chính độc lập, trừ các trường hợp là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN; đ) Có tên trong danh sách ngắn (đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn); e) Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại BDL. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:



(Handwritten signatures and initials)

	a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e khoản 5.1 trên. 5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d, e khoản 5.1 Điều này. Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các Mục 5.1, Mục 5.2 và Mục 5.3 CDNT được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.
6. Nội dung của HSMQT	6.1. HSMQT bao gồm: E-TBMQT và Phần 1, Phần 2 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMQT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSQT; - Chương IV. Biểu mẫu quan tâm. Phần 2. Điều khoản tham chiếu - Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu Phần 3. Hợp đồng khung - Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng khung (không có đơn giá) 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ HSMQT hay các tài liệu sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. HSMQT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMQT, HSMQT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSQT theo yêu










	câu của HSMQT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMQT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMQT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMQT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMQT phải được thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSQT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMQT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMQT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSQT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMQT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Đối với các gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng, thời gian sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại BDL
8. Chi phí dự thầu	HSMQT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMQT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự quan tâm. HSQT được nộp miễn phí trên Hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự quan tâm của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSQT	HSQT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSQT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSQT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).




10. Thành phần của HSQT	HSQT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau: 1. Thư quan tâm theo quy định tại Mục 11 CDNT; 2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 02 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 3. Các Biểu mẫu khác theo quy định tại Chương IV.
11. Thư quan tâm và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong thư quan tâm và các bảng biểu được yêu cầu trong HSMQT để hoàn thành HSQT.
12. Thời hạn có hiệu lực của HSQT	12.1. HSQT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL. 12.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSQT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSQT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSQT thì HSQT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSQT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSQT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
13. Thời điểm đóng thầu	13.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMQT. 13.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMQT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
14. Nộp, rút và sửa đổi HSQT	14.1. Nộp HSQT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSQT đối với một E-TBMQT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp HSQT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.. 14.2. Sửa đổi, nộp lại HSQT: Trường hợp cần sửa đổi HSQT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSQT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSQT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSQT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSQT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMQT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSQT mới cho phù hợp với HSMQT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSQT thì HSQT đã nộp trước thời điểm HSMQT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 14.3. Rút HSQT: nhà thầu được rút HSQT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSQT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSQT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo




	đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSQT. Khi rút HSQT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSQT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSQT của nhà thầu. 14.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSQT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSQT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ HSQT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi HSMQT và nhà thầu không nộp HSQT mới để phù hợp với HSMQT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
15. Mở HSQT	15.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở HSQT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSQT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSQT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (huỷ E-TBMQT này và đăng E-TBMQT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP). 15.2. Biên bản mở HSQT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMQT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở HSQT; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSQT; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
16. Làm rõ HSQT	16.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSQT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSQT (trừ nội dung về tư

(Chữ ký và dấu của các bên liên quan)



	cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSQT đã nộp. 16.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSQT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 16.3. Việc làm rõ HSQT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSQT cần phải làm rõ. Nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSQT của nhà thầu theo HSQT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSQT. 16.4. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
17. Đánh giá HSQT	17.1. Việc đánh giá tính hợp lệ của HSQT thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III; Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá bước tiếp theo. 17.2. Tiêu chuẩn đánh giá HSQT thực hiện theo Mục 2 Chương III. HSQT của nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá. Trường hợp các thông tin kê khai trong tài liệu đính kèm HSQT không đáp ứng yêu cầu của HSMQT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMQT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai so với tài liệu đính kèm thì thông tin kê khai là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp không xác định được nhân sự đã kê khai hoặc nhân sự không tồn tại trên thực tế. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, HSQT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của HSMQT thì không đáp ứng về kỹ thuật. 17.3. Nguyên tắc đánh giá HSQT: Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của



(Handwritten signatures and stamps)

	HSMQT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSQT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSQT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; 17.4. Sau khi đánh giá HSQT, Tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. HSQT của nhà thầu có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. 17.5. Trường hợp có nhiều hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu thì lựa chọn 06 nhà thầu xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
18. Đối chiếu tài liệu	18.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSQT. 18.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Nhà thầu trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau: - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. 18.3. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được lựa chọn vào danh sách ngắn. 18.4. Chủ đầu tư gửi thông báo đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên











	Hệ thống và/hoặc thư điện tử (Email) và/hoặc Fax và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh. Trong thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
19. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà thầu được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Có HSQT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 2. Có HSQT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 3. Xếp hạng từ thứ nhất tới thứ sáu theo số điểm đánh giá (đối với trường hợp có hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu).
20. Hủy thầu	20.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSQT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMQT; b) Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong HSMQT không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật; c) Nội dung HSMQT không tuân thủ quy định của QĐMS hoặc yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ nêu trong HSMQT không nhất quán dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 20.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm QĐMS dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 20.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo QĐMS.
21. Thông báo kết quả mời quan tâm	21.1. Sau khi có quyết định phê duyệt danh ngắn, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả mời quan tâm (danh sách ngắn) trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả mời quan tâm lên Hệ thống. Trong thông báo phải nêu tóm tắt lý do nhà thầu không đáp ứng. Nội dung thông báo kết quả mời quan tâm như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMQT; - Tên gói thầu;





	- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện hợp đồng; b) Thông tin về nhà thầu vào danh sách ngắn: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 21.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 20.1 CDNT, trong thông báo kết quả mời quan tâm và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại BDL .



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam.
CDNT 1.2	Tên gói thầu: ____ [<i>Chủ đầu tư tự trích xuất</i>].
CDNT 3	Nguồn vốn: ____ [<i>Theo E-TBMQT</i>] Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo QĐMS được đăng tải trên website https://muasam.pvpgb.vn
CDNT 5.1 (e)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: ____ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư</i>] (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam); - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam), cụ thể như sau: + Tư vấn lập HSMQT: ____ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn thẩm định HSMQT: ____ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn đánh giá HSQT: ____ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: ____ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: ____ [<i>tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định cho phù hợp quy định tại Điều 4a của QĐMS</i>]. Lưu ý: Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.



(Handwritten signatures and stamps)

	- Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7.5	Thời gian sửa đổi HSMQT đối với gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 12.1	Thời gian có hiệu lực của HSQT: $\geq$ ____ ngày [trích xuất từ E-TBMQT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
CDNT 22	- Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89 của Luật Đấu thầu 2023 và Điều 137, 138, 139 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. - Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ: Người có thẩm quyền: _____ [ghi đầy đủ tên Người có thẩm quyền] + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ địa chỉ, số điện thoại, số fax của Người có thẩm quyền]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của Người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu]. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].





Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSQT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSQT

HSQT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT;

5. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có HSQT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSQT

Việc đánh giá HSQT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của nội dung nhân sự chủ chốt; đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định về điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá HSQT bao gồm các nội dung sau đây:

Stt	Tiêu chuẩn ⁽¹⁾	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
-----	---------------------------	-------------	------------------------------	----------------------------

(Chữ ký và dấu của các thành viên liên danh)

1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 30 đến 45% tổng số điểm)			
	a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong... năm gần đây ⁽²⁾			
	b) Các yếu tố khác ⁽³⁾			
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu⁽⁴⁾ (5% tổng số điểm)			
3	Nhân sự của nhà thầu⁽⁵⁾ (Từ 50 đến 70% tổng số điểm)			50% tổng số điểm
	Tổng cộng (100%)			

Ghi chú:

(1) Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, nhân sự (nếu có) là 100%, trong đó mức điểm yêu cầu tối thiểu phải quy định không thấp hơn 60% tổng số điểm và điểm đánh giá của nội dung về nhân sự phải quy định không thấp hơn 50% điểm tối đa của nội dung đó.

(2) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 107 của QĐMS thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá. Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(3) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(4) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định QĐMS.

(5) Tùy từng gói thầu để đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp. Chẳng hạn, trường hợp khi lập HSMQT chưa có điều khoản tham chiếu, chưa đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này chỉ yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn thuộc quản lý của nhà thầu (ký hợp đồng dài hạn hoặc không xác định thời hạn với nhà thầu) như: có 02 chuyên gia có kinh nghiệm làm việc 5 năm, có chứng chỉ hành nghề giám sát....

Trường hợp tại thời điểm lập HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này đưa ra yêu cầu cho các nhân sự chủ chốt này (tư vấn trưởng, chủ nhiệm...). Trong trường hợp này, Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê, nhà thầu phải có các tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự này. Nếu

(Chữ ký và dấu của các bên liên quan)



pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong HSMQT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp HSMQT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.



(Handwritten signatures and initials)

Chương IV
BIỂU MẪU QUAN TÂM

Nhà thầu chuẩn bị tài liệu theo các mẫu sau:

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Ghi chú
1	Mẫu số 01: Thư quan tâm	Scan đính kèm	
2	Mẫu số 02: Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự mời quan tâm
3	Mẫu số 03: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	Scan đính kèm	
4	Mẫu số 04: Danh sách chuyên gia chủ chốt của nhà thầu	Scan đính kèm	
5	Mẫu số 05: Lý lịch chuyên gia tư vấn	Scan đính kèm	Chỉ áp dụng trong trường hợp tại Mục 2 Chương III đưa ra được các yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt











THƯ QUAN TÂM ⁽¹⁾

Ngày: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Tên gói thầu: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Kính gửi: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Sau khi nghiên cứu HSMQT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Nhà thầu trích xuất], Mã số thuế: ____ [Nhà thầu trích xuất]
 bày tỏ sự quan tâm tới gói thầu ____ [Nhà thầu trích xuất] số E-TBMQT: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Hiệu lực của HSQT: ____ [Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMQT]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2a. Không vi phạm quy định về bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính;

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của QĐMS khi bày tỏ quan tâm gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong HSQT là trung thực;




8. Nếu được lựa chọn vào danh sách ngắn, chúng tôi sẽ tham gia đấu thầu gói thầu _____ [Nhà thầu trích xuất].

Ghi chú:

(1) Thư quan tâm được ký bằng chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và đóng dấu (nếu có) của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSQT.

(2) HSMQT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.



[Handwritten signatures and initials]

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Gói thầu: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nhà thầu trích xuất]Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nhà thầu trích xuất]Căn cứ HSMQT gói thầu: ____ Nhà thầu trích xuất] với số E-TBMQT: ____
[Nhà thầu trích xuất]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [Nhà thầu trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung



1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Nhà thầu trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Nhà thầu trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Nhà thầu trích xuất*] thuộc dự án ____ [*Nhà thầu trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Nhà thầu trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSQT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSQT hoặc văn bản đề nghị rút HSQT;*

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Nhà thầu trích xuất</i>)	- ____ - ____
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____

(Chỗ trống để ghi chữ ký của các thành viên)



....		
	Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói thầu

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Nhà thầu trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Nhà thầu trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như nêu trên.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.




CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

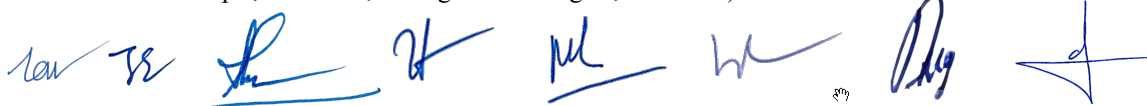
B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu dịch vụ tư vấn tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng *[Ghi số năm]¹* năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi dịch vụ tư vấn tương tự như dịch vụ tư vấn được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự quan tâm là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSQT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).





Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị dịch vụ từ vấn do nhà thầu thực hiện)	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện hợp đồng [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện hợp đồng thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.





DANH SÁCH CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp tại Mục 2 Chương III nêu yêu cầu cụ thể về nhân sự chủ chốt của nhà thầu theo điều khoản tham chiếu thì mẫu này cần được bổ sung cho phù hợp như sau:

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Quốc tịch	Chức danh bố trí trong gói thầu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
I. Nhân sự chủ chốt của nhà thầu						
1						
2						
II. Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động						
1						
2						
III. Nhân sự khác						
1						
2						



LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN¹

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Vi dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ... đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

¹ Chỉ áp dụng trong trường hợp tại thời điểm lập HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2 Chương III, các nhân sự chủ chốt đó phải kê khai theo Mẫu này.



Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 04 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng HSQT.



[Handwritten signatures and stamps]

Phần thứ hai
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V
TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương này gồm thông tin yêu cầu về nội dung dịch vụ tư vấn, kế hoạch thực hiện... của gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm

[Nêu thông tin tóm tắt như tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, nguồn vốn, quyết định đầu tư, các hoạt động chính của dự án,...]

2. Mô tả sơ bộ về nội dung dịch vụ tư vấn

[Phần này nêu thông tin về quy mô, tính chất, độ phức tạp của dịch vụ tư vấn.]

3. Kế hoạch thực hiện

[Nêu thời gian dự kiến thực hiện và hoàn thành công việc.]

4. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

[Nêu yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí.]



[Handwritten signatures and stamps]

Phần 3**HỢP ĐỒNG KHUNG****Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG KHUNG (không có đơn giá)**

(Dự thảo hợp đồng khung sau đây quy định chi tiết các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng làm cơ sở chào thầu, thương thảo, hoàn thiện và ký Hợp đồng khung)

Căn cứ :

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ
-

Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (Bên A): Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Bên bán (Bên B):

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

(Chỗ để chữ ký và đóng dấu của các Bên)



Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng khung cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

PHẦN 1: CÁC ĐIỀU KHOẢN

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên B cung cấp cho Bên A dịch vụ tư vấn phù hợp với từng đơn hàng theo Thư mời chào giá của Bên A. Danh mục dịch vụ tư vấn nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng khung này.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Văn bản Hợp đồng và các Phụ lục;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt danh sách ngân nhà thầu;
- Hồ sơ mời quan tâm;
- Hồ sơ quan tâm và các văn bản làm rõ Hồ sơ quan tâm;
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B (trong trường hợp Bên B trúng chào giá cung cấp dịch vụ cho Bên A) theo phương thức được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- 4.1. Bên B cam kết thực hiện chào giá khi nhận được Thư mời chào giá của Bên A và cung cấp cho Bên A đầy đủ dịch vụ như nêu tại các Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung. Đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng này, các Phụ lục bổ sung hợp đồng và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trách nhiệm của từng thành viên Liên danh (nếu có).
- 4.2. Bên B cam kết thực hiện tuân thủ các quy định, điều khoản, điều kiện của hợp đồng này trong trường hợp trúng thầu cung cấp dịch vụ cho Bên A.
- 4.3. Bên B chịu trách nhiệm đối với các nhân sự phải có đủ điều kiện năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp thực hiện công việc tư vấn và tuân thủ quy định về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn theo pháp luật quản lý ngành.
- 4.4. Bên B cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường, PCCC, ANAT trong quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ chịu mọi trách nhiệm liên quan đến môi trường, PCCC, ANAT trong trường hợp do lỗi của Bên B gây ra.





- 4.5. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm và chi phí bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và xử lý những rủi ro trong quá trình thực hiện dịch vụ do Bên B gây ra.

Điều 5. Hình thức hợp đồng

- Hình thức hợp đồng là: Hợp đồng khung chưa có giá.
- Trên cơ sở nhu cầu của Bên A và kết quả đánh giá các Bản chào giá, các Bên sẽ ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung cho từng đơn hàng cụ thể để triển khai thực hiện đối với nhà thầu trúng chào giá. Các Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- Loại hợp đồng : Trọn gói (đối với từng đơn hàng).

Điều 6. Trình tự thực hiện

- Trên cơ sở Hợp đồng khung đã ký, khi phát sinh nhu cầu mua dịch vụ bao gồm Điều khoản tham chiếu/Yêu cầu phạm vi công việc, tiến độ cung cấp từng đợt, Bên A sẽ gửi cho Bên B Thư mời chào giá cho từng đơn hàng mua dịch vụ (theo quy định tại Mẫu số 07 – Phụ lục 3 của Hợp đồng này). Bên B sẽ chuẩn bị và gửi bản scan bản chào giá (theo mẫu quy định tại Mẫu số 1 – Phụ lục 3 của Hợp đồng này) vào địa chỉ Email :và/hoặc nộp bản gốc cho của Bên A theo thời gian quy định trong Thư mời chào giá. Bản chào giá gửi sau thời gian quy định sẽ không được Bên A xem xét, đánh giá. Bên B phải đảm bảo sự thống nhất giữa bản chào qua Email và bản gốc. Trường hợp có sự không thống nhất giữa bản gốc và bản scan gửi qua Email thì căn cứ bản bản gốc để đánh giá.
- Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung nếu Bản chào giá của Bên B đáp ứng yêu cầu của Thư mời chào giá và có giá chào thấp nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng (nếu cần thiết). Nhà thầu trúng chào giá sẽ được ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung, nội dung của Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung theo mẫu quy định trong Hợp đồng khung này; Các điều khoản còn lại của Phụ lục bổ sung hợp đồng khung thực hiện theo nội dung Hợp đồng khung đã được hai bên ký kết.

Điều 7. Quy định về chất lượng, số lượng, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ

7.1 Về chất lượng công việc

Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngành, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn.

7.2 Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng

Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao sản phẩm của Hợp đồng tại trụ sở của Bên A: với số lượng sản phẩm như sau:

- Bốn (04) bộ Hồ sơ.





- Một file mềm chứa đầy đủ các tài liệu liên quan đến sản phẩm tư vấn.

7.3 Nghiệm thu sản phẩm

Sản phẩm được tiến hành nghiệm thu 01 lần sau khi hồ sơ được Bên A phê duyệt.

Điều 8. Quy định về Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng

Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng cung cấp dịch vụ là chào giá được xét duyệt trúng thầu (mỗi đợt) tại thời điểm ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng căn cứ theo giá quy định trong Phụ lục hợp đồng.

Điều 9. Quy định về Điều kiện thanh toán của hợp đồng/phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ

9.1. Thanh quyết toán: Thanh toán 01 lần.

- Thanh toán một lần sau khi sản phẩm tư vấn được Bên A phê duyệt, trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng và Bên A nhận được 3 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Mỗi bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 - + Công văn đề nghị thanh quyết toán của Bên B: 01 bản gốc;
 - + Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng bằng 100% giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành được đại diện các bên ký xác nhận: 01 bản gốc;
 - + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán: 01 bản gốc.
 - + Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng: 01 bản gốc.

9.2. Địa chỉ gửi bộ hồ sơ thanh toán và quy định về xuất hoá đơn:

- Bên B gửi bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ đến Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:
 - + Tên công ty: Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.
 - + Mã số thuế: 0100681592-036
 - + Địa chỉ:
 - + Số Tài khoản (VNĐ):

9.3. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B được ghi trong Hợp đồng này hoặc Phụ lục bổ sung hợp đồng. Mọi sự thay đổi số tài khoản, tên ngân hàng phải căn cứ trên văn bản đề nghị của Bên B được người đại diện theo pháp luật của Bên B ký, đóng dấu (nếu có).

(Chữ ký và dấu của các bên)



- 9.4. Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện Phụ lục bổ sung hợp đồng, trường hợp tại thời điểm nghiệm thu hoàn thành dịch vụ nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng/giảm), Bên A xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

Điều 10. Thời gian thực hiện Hợp đồng

- 10.1. Thời gian thực hiện hợp đồng:
- 10.2. Thời điểm hoàn thành các công việc :.....
- 10.3. Căn cứ vào Phạm vi cung cấp dịch vụ của năm tiếp theo, trước thời điểm kết thúc Hợp đồng khung, Chi nhánh Phát điện Dầu khí tiến hành rà soát, đánh giá năng lực, kinh nghiệm và cập nhật bổ sung các Nhà cung cấp trong danh sách ngắn (nếu có). Trong trường hợp Nhà cung cấp vẫn đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm, chất lượng hàng hóa, tiến độ cung cấp trong thời gian thực hiện hợp đồng khung thì hai Bên có thể gia hạn Hợp đồng khung cho năm tiếp theo.

Điều 11. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

- 11.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng/phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
- a) Bên A có yêu cầu điều chỉnh (tăng/giảm) số lượng dịch vụ theo hợp đồng đã ký;
 - b) Bên A thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng;
 - c) Các nội dung khác nêu tại Hợp đồng.
- 11.2. Hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.

Điều 12. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm Hợp đồng

12.1. Phạt vi phạm hợp đồng:

Trừ trường hợp bất khả kháng theo **Điều 13**, Bên B sẽ bị phạt vi phạm Hợp đồng nếu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời gian quy định tại Khoản 10.2, Điều 10 thì Bên B phải chịu phạt số tiền bằng 1%/ngày cho giá trị phần công việc chậm thực hiện hoặc 0,1%/tuần đối với hồ sơ thanh (quyết) toán chậm thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện (trường hợp số ngày chậm chưa đủ 1 tuần thì làm tròn 1 tuần) cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại **Điều 16**. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

12.2. Bồi thường thiệt hại:




Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại **Điều 13** của hợp đồng, nếu bên nào không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc của hợp đồng thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, bên không thực hiện hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên còn lại toàn bộ giá trị tổn thất thực tế mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng

Trường hợp bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Bên B, chẳng hạn: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận... Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên B phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện.

Điều 14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng

- 14.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng, thông tin do Bên A hoặc đại diện của Bên A đưa ra cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.
- 14.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện Hợp đồng.
- 14.3. Các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Khi Bên A có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng thông qua thương lượng hoà giải trực tiếp. Trong khoảng thời gian quy định là 15 (mười lăm) ngày mỗi Bên sẽ phải cử đại diện của mình tới thảo luận hoà giải và phải gửi thông báo cho Bên kia biết. Sau khoảng thời gian quy định là 30 (ba mươi) ngày, đại diện của hai Bên phải đưa ra cách thức giải quyết tranh chấp phù hợp với cả hai Bên.

Trong trường hợp đại diện của hai Bên không thoả thuận được thì tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Tòa án Nhân dân tỉnh Thái Bình. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Án phí do Bên thua kiện chịu.

Điều 16. Chấm dứt Hợp đồng




16.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm một trong những điều sau:

- a) Không tham dự nộp chào giá theo quy định tại Điều 6 từ 02 (hai) lần trở lên;
- b) Cung cấp dịch vụ không đạt tiến độ và/ hoặc chất lượng sản phẩm dịch vụ không đáp ứng yêu cầu quy định tại Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng 02 (hai) lần;
- c) Bên B bị phá sản, giải thể, bị thu hồi giấy phép hoạt động.

16.2. Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9 của Hợp đồng.

Điều 17. Thông báo

Bất cứ thông báo nào của một Bên gửi cho Bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ mỗi Bên được ghi tại Hợp đồng này.

Thông báo của một Bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 18. Điều khoản chung

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và hết hiệu lực khi đến hạn như quy định tại Điều 10.

Hợp đồng này được hiểu, diễn giải và điều chỉnh theo pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.

Hợp đồng này sẽ được coi như thanh lý sau khi các Bên hoàn thành hết các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nêu trong Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chữ ký đại diện)



(Phụ lục thuộc mẫu Hợp đồng khung)

PHỤ LỤC 1.

Điều khoản tham chiếu/Phạm vi công việc tư vấn



[Handwritten signatures and initials in blue ink]

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU**Mẫu số 01: THƯ MỜI CHÀO GIÁ**

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Thái Bình, ngày ____ tháng ____ năm ____

Vv Mời chào giá....

Kính gửi: Công ty

Căn cứ Hợp đồng khung cho gói thầu số.....ngày
..... được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....,

Hiện nay Chi nhánh Phát điện Dầu khí có nhu cầu thuê đơn vị tư vấn thẩm tra
báo cáo KTKT hạng mục/công trình.....

Chi nhánh Phát điện Dầu khí đề nghị Công ty nộp Bản chào giá theo nội
dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

-

2. Thời gian giao nộp sản phẩm:ngày.

3. Địa điểm giao nộp sản phẩm:

4. Thời gian và địa điểm nộp chào giá: ... giờ ... phút ngày / /

5. Hình thức nộp bản báo giá:

+ Gửi Email tới địa chỉ:; và/hoặc

+ Nộp trực tiếp tại:

6. Mẫu Bản chào giá: Theo Mẫu quy định tại Hợp đồng khung.

7. Thời hạn hiệu lực của Bản chào giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày đóng thầu

Trân trọng./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN BÊN A


Mẫu số 02. BẢN CHÀO GIÁ CỦA MỖI ĐƠN HÀNG/LÔ HÀNG**CÔNG TY ...****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày tháng năm ...

BẢN CHÀO GIÁ

Kính gửi: Chi nhánh Phát điện Dầu khí

- Căn cứ Hợp đồng khung số.....ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....,
- Căn cứ công văn số ngàyv/v thông báo mời chào giá;
Chúng tôi, Công ty xin báo giá như *đính kèm*.

Các điều kiện khác:

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày
- Các điều kiện khác có liên quan sẽ áp dụng theo Hợp đồng khung số ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty

Đại diện hợp pháp của Bên B

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)










BẢNG GIÁ CHÀO THẦU

TT	Mô tả	Đvt	Khối lượng	Trong đó		
				Giá chào trước thuế	Thuế GTGT	Giá chào sau thuế
1	Tư vấn	Gói	1			
	Tổng					

Giá trên là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).



Mẫu số 03. Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập-Tự do- Hạnh phúc****PHỤ LỤC BỔ SUNG SỐ...****Của Hợp đồng khung số ...**

Về việc: Cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện...

- Căn cứ ...
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày .../.../, chúng tôi đại diện cho các bên ký kết Phụ lục Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (Bên A): Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

Bên bán (Bên B):

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

Sau khi thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục bổ sung số... của Hợp đồng khung sốvới các điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi công việc



Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận cung cấp dịch vụ quy định tại Phụ lục kèm theo.

Thời gian giao sản phẩm: Từ ngày đến ngày

Điều 2. Thời gian thực hiện dịch vụ

Thời gian thực hiện dịch vụ là ngày kể từ ngày (thời gian hoàn thành cung cấp toàn bộ dịch vụ không bao gồm thời gian thẩm định, thẩm tra)

Điều 3. Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng

Giá trị Phụ lục bổ sung :[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký]

Điều 4. Thanh quyết toán

Phương thức thanh quyết toán : Theo quy định Điều 9 của Hợp đồng khung số ...,

Điều 5. Các quy định khác

Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng khung số....

Các điều khoản khác quy định trong Hợp đồng khung không đề cập trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Phụ lục bổ sung số có hiệu lực kể từ ngày được đại diện 2 bên ký và sẽ tự động thanh lý khi các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của phụ lục bổ sung này.

Phụ lục bổ sung này được lập thành 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chữ ký đại diện)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

V/v: Thanh lý Phụ lục số... - Hợp đồng khung số...

- Căn cứ: ...

Hôm nay, ngày tháng năm , chúng tôi gồm có:

Bên A: Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Đại diện là Ông:

Chức vụ:

Bên B :

Đại diện là Ông:

Chức vụ:

Hai bên cùng nhau thống nhất tiến hành thanh lý Phụ lục số ... ngày của Hợp đồng khung số ... về việc cung cấp dịch vụ tư vấn

1. Tiến độ thực hiện

1.1. Theo Phụ lục hợp đồng:

- Thời gian thực hiện: ...

1.2. Theo thực tế:

- Thời gian thực hiện:

2. Giá trị thanh toán

- Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng: ... **đồng**

- Số tiền tạm ứng (nếu có): ... **đồng**.

- Số tiền phạt chậm tiến độ: ... **đồng**.

- Giá trị thanh toán: ...

3. Các nội dung khác

3.1. Sau khi Bên A thanh toán đủ cho Bên B số tiền ... **đồng** thì Phụ lục số ... ngày ... của Hợp đồng khung số ... xem như đã được thanh lý.



(Handwritten signatures and stamps)

- 3.2. Hai bên thống nhất các điều khoản ghi trong Biên bản thanh lý và nhất trí không còn ràng buộc trách nhiệm pháp lý liên quan đến Phụ lục số ... ngày ... của Hợp đồng khung số ... kể từ thời điểm Bên A thanh toán đủ toàn bộ số tiền cho Bên B.
- 3.3. Biên bản thanh lý này được lập thành 04 bản gốc, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Handwritten signatures of representatives from both parties]